

Số: 07/2024/QĐST-DS

Đ, ngày 08 tháng 11 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ khoản 5 Điều 211 và khoản 1 Điều 212 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 134, 138, 430, 431, 433, 440, 357, 468 Bộ luật dân sự;
- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;
- Luật Thi hành án dân sự;
- Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 31 tháng 10 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số 28/2024/TLST - DS ngày 10 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

**1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T**, sinh năm 1975;

Trú tại: Xóm H, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Người Đại diện theo ủy quyền của bà T: Bà Nguyễn Thị T1 – Luật sư – Văn phòng L, Đoàn luật sư tỉnh T.

**2. Bị đơn: Bà Lê Thị N**, sinh năm 1966;

Trú tại: Xóm Đ, xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1 Ông **Bùi Văn H**, sinh năm 1975;

Trú tại: Xóm H, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Người Đại diện theo ủy quyền của ông **H: Bà Nguyễn Thị T1** – Luật sư – **Văn phòng L, Đoàn luật sư tỉnh T.**

**II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

1. *Về nghĩa vụ trả nợ:* Bà **Lê Thị N** có nghĩa vụ thanh toán trả bà **Nguyễn Thị T** tiền mua chè với Tổng số tiền: **344.157.000 đồng** (*Ba trăm bốn mươi bốn triệu, một trăm năm mươi bảy nghìn đồng*). Trong đó: **338.500.000 đồng** (*Ba trăm ba mươi tám triệu, năm trăm nghìn đồng*) là tiền gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 04/7/2024 là **5.657.000 đồng** (*Năm triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn đồng*)

2. *Về phương thức và thời hạn thanh toán:*

\* *Phương thức thanh toán:* Chuyển khoản hoặc trả bằng tiền mặt.

\* *Thời hạn thanh toán:* Chia làm 2 lần trả nợ. Cụ thể:

- Lần 1: Ngày 30/01/2025 bà **Lê Thị N** trả bà **Nguyễn Thị T** **172.078.500 đồng** (*Một trăm bảy mươi hai triệu, năm trăm bảy mươi tám nghìn, năm trăm đồng*)

- Lần 2: Ngày 30/8/2025 bà **Lê Thị N** trả bà **Nguyễn Thị T** **172.078.500 đồng** (*Một trăm bảy mươi hai triệu, năm trăm bảy mươi tám nghìn, năm trăm đồng*)

Kể từ ngày đến hạn thực hiện nghĩa vụ theo thoả thuận bà **Nguyễn Thị T** có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà **Lê Thị N** không tự nguyện thi hành số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong. Mức lãi suất chậm trả do các bên thoả thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền chậm trả. Trường hợp không thoả thuận được về lãi suất chậm trả thì được xác định bằng 50% của mức lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. *Về án phí:* Bà **Lê Thị N** tự nguyện nộp **8. 603. 925 đồng** (*Tám triệu, sáu trăm linh ba nghìn, chín trăm hai mươi lăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm vào Ngân sách Nhà nước. Hoàn trả bà **Nguyễn Thị T** **8.604.000 đồng** (*Tám triệu, sáu trăm linh bốn nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007312 ngày 10/10/2024 của Chi cục Thi hành án huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

**III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và**

không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**IV.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Đương sự;
- Lưu HS, bộ phận DS.

**THẨM PHÁN**

**Mai Thị Hồng Thái**